

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/KDTM-PT

Ngày: 19 - 9 - 2022

V/v: “*Thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Năng.

Các Thẩm phán:

Bà Mai Phương Thảo

Bà Trần Thị Thanh Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ông Trần Quang Nóp - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2022/TLPT- KDTM ngày 01 tháng 8 năm 2022 về thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2022/KDTM-ST ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 98/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 103/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 105/2022/QĐ-PT ngày 13 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần Đ. Trụ sở: Quốc lộ 1A, xã Hòa Phước, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tự Q - Chức vụ: Giám đốc. Có mặt

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH TH. Trụ sở: Thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu B - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1961. Địa chỉ: Số A, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty Bảo hiểm H ; Trụ sở: số A, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có đơn vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Công ty TNHH TH là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trịnh Thị Thanh H trình bày:*

Ngày 05/8/2019, Công ty Cổ phần Đ và Công ty TNHH TH ký kết Hợp đồng sửa chữa ô tô số: 01-10/2018-HĐBDSC với nội dung: Công ty Cổ phần Đ đồng ý tiếp nhận sửa chữa và thay thế phụ tùng cho xe DAEWOO BKS 43C1-071.80 với giá trị hợp đồng là 136.539.659 đồng (*Một trăm ba mươi sáu triệu, năm trăm ba mươi chín nghìn, sáu trăm năm chín đồng*) giá trị đã bao gồm thuế giá trị gia tăng VAT. Đến ngày 06/8/2019, Công ty Cổ phần Đ và Công ty TNHH TH ký 02 Biên bản thanh lý hợp đồng với nội dung: Công ty Cổ phần Đ đã hoàn tất nghĩa vụ sửa chữa và thay thế phụ tùng theo Hợp đồng, Công ty TNHH TH xác nhận nghiệm thu xe đảm bảo chất lượng và mỹ thuật.

Tuy nhiên, sau khi thanh lý Hợp đồng thì Công ty TNHH TH vẫn chưa thanh toán cho Công ty Cổ phần Đ số tiền 136.539.659 đồng (*Một trăm ba mươi sáu triệu, năm trăm ba mươi chín nghìn, sáu trăm năm chín đồng*). Do đó, tôi đề nghị Tòa án:

- Buộc Công ty TNHH TH thanh toán số tiền 136.539.659 đồng (*Một trăm ba mươi sáu triệu, năm trăm ba mươi chín nghìn, sáu trăm năm mươi chín đồng*) theo Hợp đồng sửa chữa ô tô số: 01-10/2018-HĐBDSC ngày 05/8/2019 giữa Công ty TNHH TH và Công ty Cổ phần Đ.

- Buộc Công ty TNHH TH thanh toán số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tạm tính từ ngày nghiệm thu, bàn giao xe (Ngày 06/8/2019) đến ngày 04/5/2019 với mức lãi suất 10%/năm tương ứng với số tiền là 23.866.384 đồng (*Hai mươi ba triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn, ba trăm tám mươi tư đồng*). Trường hợp Công ty TNHH TH chậm thanh toán thì phải chịu lãi suất quá hạn theo mức lãi suất quá hạn do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam công bố tại thời điểm quá hạn.

** Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH TH là bà Trần Thị Thùy Ng trình bày:* Hợp đồng sửa chữa ô tô số: 01-10/2018-HĐBDSC ngày 05/8/2019 là thỏa thuận giữa 03 bên gồm: Công ty Cổ phần Đ; Công ty TNHH TH và Công ty BH . Tại Điều 01 Hợp đồng nêu rõ: “Bên C tiếp nhận xe của bên A.... sửa chữa, thay thế phụ tùng như bảng dự toán bảo hiểm đã duyệt với số tiền 136.539.659 đồng (*Một trăm ba mươi sáu triệu,*

năm trăm ba mươi chín nghìn, sáu trăm năm mươi chín đồng)” và tại Mục 2.2 Điều 2 Hợp đồng quy định: “Bên B thanh toán cho bên C phần chi phí thuộc trách nhiệm là 136.539.659 đồng (*Một trăm ba mươi sáu triệu, năm trăm ba mươi chín nghìn, sáu trăm năm mươi chín đồng*)”. Như vậy trách nhiệm thanh toán số tiền nêu trên theo Hợp đồng sửa chữa ô tô số: 01-10/2018-HĐBDSC ngày 05/8/2019 là của Công ty Công ty Bảo hiểm H. Do đó, Công ty TNHH TH cho rằng nguyên đơn đã xác định sai đối tượng khởi kiện và tư cách bị đơn trong vụ án, chúng tôi không chấp nhận với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì các lý do sau đây:

- Thứ nhất, Công ty TNHH TH không nhận được hóa đơn giá trị gia tăng (hóa đơn VAT) số 0013913 do Công ty Công ty Bảo hiểm H phát hành, điều này thể hiện rõ khi hóa đơn này không có chữ ký của Khách hàng. Trong khi đó, theo Điều 4 Thông tư 39/2014/TT-BTC có quy định rõ hóa đơn VAT phải có đầy đủ chữ ký. Vì vậy, hóa đơn này đã vi phạm pháp luật phải bị xử lý theo Thông tư số: 41/2018/NĐ-CP. Vậy, hóa đơn này hoàn toàn là do Công ty Công ty Bảo hiểm H tự xuất và tự lưu giữ, không có giá trị chứng minh cho việc Công ty TNHH TH chấp nhận việc cản trừ tiền bảo hiểm kỳ 4. Hành vi tự xuất hóa đơn trong khi không tôn trọng thỏa thuận của các bên theo hợp đồng bảo hiểm của Công ty Công ty Bảo hiểm H là hành vi vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc tự nguyện giao dịch dân sự.

- Thứ hai, tiền đóng phí bảo hiểm phải được xuất phát từ nguồn tiền của bên mua bảo hiểm, việc Công ty Công ty Bảo hiểm H dùng tiền bồi thường để đóng tiền phí bảo hiểm là giải ngân sai mục đích của hóa đơn VAT. Tiền nào phải ra tiền đó, không thể dùng nguồn tiền bảo hiểm cho một bên thứ ba để trừ phí bảo hiểm của bên mua bảo hiểm. Vì vậy, hành vi cản trừ tiền phí bảo hiểm vào tiền bồi thường không chỉ vượt quá phạm vi quyền của bên bảo hiểm trong Hợp đồng bảo hiểm mà còn là hành vi giải ngân sai mục đích, vi phạm quy định của pháp luật.

- Thứ ba, Công ty TNHH TH xin cung cấp cho quý Tòa các Hợp đồng mua bán các xe (tài liệu 01), để chứng minh việc Công ty TNHH TH thực tế không tiếp tục đóng tiền bảo hiểm vì đã bán các xe thuộc diện được mua bảo hiểm:

STT	Biển Kiểm soát	Số hợp đồng	Thời gian bán xe
1	43C-067.34	0810.1/HDMB/2018	08/10/2018
2	43C-070.17	0810.8/HDMB/2018	08/10/2018
3	43C-070.39	10.5/HDMB/2018	08/10/2018
4	43C-070.51	0810.9/HDMB/2018	08/10/2018
5	43C-070.53	10.2/HDMB/2018	08/10/2018
6	43C-070.80	10.1/HDMB/2018	08/10/2018
7	43C-071.09	10.3/HDMB/2018	08/10/2018
8	43C-071.36	0810.7/HDMB/2018	08/10/2018

9	43C-071.77	0810.2/HDMB/2018	08/10/2018
10	43C-071.88	10.4/HDMB/2018	08/10/2018
11	43C-072.15	0810.3/HDMB/2018	08/10/2018
12	43C-073.78	0810.4/HDMB/2018	08/10/2018
13	43C-073.90	0810.5/HDMB/2018	08/10/2018
14	43C-073.92	0810.6/HDMB/2018	08/10/2018

Có thể dễ dàng nhận thấy, tất cả các xe trên đều được bán trước hạn đóng tiền bảo hiểm kỳ 4 là ngày 28/11/2018. Vì vậy, đương nhiên Công ty TNHH TH không tiếp tục mua bảo hiểm cho các xe đã bán.

- Thứ tư, Công ty Công ty Bảo hiểm H chuyển số tiền còn thừa sau khi cân trừ không phải là chuyển cho Công ty Trung Hiếu. Vì tài khoản của Công ty TNHH TH không hề nhận được số tiền này. Trong trường hợp Công ty Công ty Bảo hiểm H chuyển tiền vào tài khoản cá nhân khác thì phải có thỏa thuận bằng văn bản giữa hai bên chấp nhận việc sử dụng tài khoản của bên thứ ba là cá nhân để thực hiện việc thanh toán. Vì vậy, việc Công ty Công ty Bảo hiểm H cho rằng Công ty TNHH TH đã nhận số tiền còn thừa sau khi cân trừ phí bảo hiểm và đồng ý với việc cân trừ là hoàn toàn không có căn cứ.

- Thứ năm, Công ty chúng tôi đã yêu cầu Công ty Công ty Bảo hiểm H xuất trình Thư bãi nại được đề cập là căn cứ để ban hành Thông báo nhận tiền bồi thường số BT031802682.F02 trong đó cho rằng Công ty TNHH TH “đề nghị” thanh toán theo biện pháp cân trừ. Dù trong Quyết định số: 58/2021/QĐ-CCTLCC ngày 05/8/2021 TAND huyện H đã yêu cầu Công ty Công ty Bảo hiểm H cung cấp toàn bộ hồ sơ khiếu trừ nhưng phía bảo hiểm vẫn không cung cấp được Thư bãi nại có chữ ký của Công ty TNHH TH. Vậy chúng tôi xin đính kèm đơn này nội dung Thư bãi nại (tài liệu 02) mà Công ty Công ty Bảo hiểm H đã gửi cho Công ty TNHH TH nhưng chúng tôi đã từ chối ký. Điều này thể hiện rõ Công ty TNHH TH không đồng ý việc cân trừ tiền phí bảo hiểm vào tiền bồi thường.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đ, tôi có ý kiến như sau:

Thứ nhất, Công ty TNHH TH khẳng định đã thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ của mình theo nội dung Hợp đồng sửa chữa ô tô số 01-10/2018-HĐBDSC nên Công ty TNHH TH không thể khởi kiện chúng tôi yêu cầu “Thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng”.

Thứ hai, Công ty TNHH TH không đồng ý với quan điểm của Công ty Đ cho rằng Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000188 ngày 07/08/2019 được xuất cho Công ty Công ty Bảo hiểm H chỉ là “thuận tiện” còn thực tế là Công ty TNHH TH có nghĩa vụ thanh toán. Nhận định này là hoàn toàn sai và cố ý áp đặt nghĩa vụ thanh toán lên Công ty TNHH TH. Theo quy định của pháp luật thuế thì hóa đơn xuất cho đơn

vị nào thì đơn vị đó mới là đối tượng có nghĩa vụ thanh toán. Và trên thực tế Công ty Công ty Bảo hiểm H cũng đã nhận hóa đơn này, căn cứ theo Biên bản bàn giao hồ sơ giữa Công ty TNHH TH và Công ty Công ty Bảo hiểm H. Không thể có ý hiểu sai bản chất của hóa đơn này, vì đây là hóa đơn thanh toán chi phí sửa xe dựa trên bảo lãnh thanh toán tiền bồi thường của Công ty Bảo hiểm H. Nếu có ý hiểu sai bản chất của hóa đơn này và quy kết trách nhiệm thanh toán về lại cho Công ty TNHH TH thì công ty chúng tôi không thể nào giải ngân hay quyết toán thuế cho khoản tiền này được. Vì về bản chất chúng tôi không có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền này.

Vì vậy, Công ty cổ phần Đ đã xuất hóa đơn sửa chữa cho đối tượng nào thì phải yêu cầu đối tượng đó thanh toán, không thể xác định sai đối tượng thanh toán rồi yêu cầu Công ty TNHH TH thực hiện một nghĩa vụ không thuộc về mình.

Thứ ba, theo Điều 4.2 Hợp đồng sửa chữa thì Công ty ĐT có nghĩa vụ “bảo quản các phụ tùng vật tư cũ hỏng”. Vậy trên thực tế Công ty cổ phần Đ đã thực hiện việc này chưa.

** Đến ngày 27/12/2021, Công ty TNHH TH có yêu cầu phản tố có nội dung:* Yêu cầu Công ty Cổ phần Đ - đơn vị đang giữ các phụ tùng này phải giao nộp để đánh giá việc chấp hành nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng. Trong trường hợp chúng tôi bị buộc phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán đáng lẽ Công ty Bảo hiểm H phải thực hiện thì phải bù trừ giá trị của phần phụ tùng trên với số tiền mà Công ty Cổ phần Đ yêu cầu thanh toán mới đảm bảo tính công bằng của vụ án.

Tại phiên hòa giải, Công ty Cổ phần Đ xuất trình 30 thiết bị có danh sách kèm theo thì Công ty TNHH TH đã nhận bàn giao và rút một phần yêu cầu phản tố đối với các thiết bị nêu trên. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn thiếu: Kính chắn gió phía trước, kính chết cửa bên phụ, kính cửa phụ, cụm gương chiếu hậu bên phải, gương tròn chiếu mũi xe bên phải, tem hông xe phải.

** Tại Công văn phúc đáp số: 138/CV-BHHK/2021 ngày 06/7/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Bảo hiểm H trình bày:* Ngày 23/6/2021, Công ty Bảo hiểm H – Tổng công ty nhận được thông báo của TAND huyện H số: 08/TB-TA về việc bổ sung người tham gia tố tụng và Quyết định số: 52/2021/QĐ-CCTLCC về việc yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ. Chúng tôi có ý kiến như sau: Vào lúc 03h00 ngày 5/8/2018, xe ô tô mang biển số 43C-07180 thuộc chủ xe đã bị tai nạn đâm va trên QL1A, địa phận Linh Trung - Thủ Đức - TP. Hồ Chí Minh và vụ việc Công an quận Thủ Đức thụ lý giải quyết.

Xe ô tô 43C-07180 được tham gia bảo hiểm vật chất theo hợp đồng bảo hiểm số: 031800890/F02 giữa Công ty Bảo hiểm H và Công ty TNHH TH. Sau khi hoàn tất việc giải quyết tại Cơ quan công an Thủ Đức, chủ xe Công ty TNHH TH đưa xe về Công ty TNHH B tại Hòa Nhơn - Hòa Vang và yêu cầu Công ty Bảo hiểm H

cùng tiến hành kiểm kê chi tiết thiệt hại và lên phương án sửa chữa. Tuy nhiên trong quá trình kiểm tu chi tiết thiệt hại, chủ xe đã thay đổi quyết định bằng cách kéo xe đến công ty Cổ phần ĐT để sửa chữa và Công ty Bảo hiểm H tôn trọng quyết định của khách hàng.

Trên cơ sở dự toán được phê duyệt, Hợp đồng sửa chữa xe (giữa Công ty TNHH TH và Công ty CP Đ) và hóa đơn GTGT, Tổng công ty đã duyệt thanh toán số tiền: 136.539.659 đồng (bao gồm 10% VAT) cho người được bảo hiểm đồng thời là người hưởng thụ bảo hiểm là Công ty TNHH TH.

Vì lý do Công ty TNHH TH không thanh toán phí bảo hiểm kỳ 4 theo Hợp đồng bảo hiểm số 031800890/F02 là 120.023.250 đồng cho Công ty BHDà Nẵng (Theo thông báo thu phí lần 1 + lần 2) nên chúng tôi khi thanh toán bồi thường đã thực hiện đối trừ với số phí kỳ 4 trên, phần còn lại 16.516.000 đồng chuyển trả Công ty TNHH TH.

Theo quy định của Luật thuế, để chúng tôi có thể bồi thường thiệt hại (bao gồm thuế GTGT) thì Người được bảo hiểm phải cung cấp cho Công ty Bbộ chứng từ sửa chữa trong đó có hóa đơn GTGT và trên đó phải ghi rõ thông tin pháp nhân là Công ty BH thì chúng tôi mới khấu trừ thuế. Việc Công ty CP Đ gửi hóa đơn trực tiếp cho Công ty Bảo hiểm H là theo yêu cầu của Công ty TNHH TH chỉ mang tính chất thuận tiện, thay vì gửi cho chủ xe để cho chủ xe cung cấp cho Công ty Bảo hiểm H thì gửi trực tiếp cho công ty bảo hiểm. Vì vậy chúng tôi xin khẳng định chúng tôi đã thực hiện nghĩa vụ của mình theo đúng hợp đồng bảo hiểm đã ký và các quy định theo Luật kinh doanh bảo hiểm.

** Đến ngày 23/10/2021, Tòa án nhân dân huyện H nhận được văn bản ghi ngày 21/9/2021 của Công ty Bảo hiểm H có nội dung cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ sau đây: Hóa đơn GTGT dịch vụ bảo hiểm số DN18P-13913 ngày 30/9/19; tờ khai thuế mẫu số 01/GTGT quý 3/2019, chi tiết mẫu số 01-1/GTGT: Bảng kê hàng hóa dịch vụ bán ra từ tháng 7/19 đến tháng 9/19 và không có ý kiến bổ sung gì thêm.*

- Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHHH TH là bà Trần Thị Thùy Ng cho rằng: Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì theo Hợp đồng sửa chữa, Biên bản nghiệm thu và ủy quyền số 01-07/2019-BBNTTLHD, Biên bản thanh lý Hợp đồng sửa chữa ô tô số 01-10/2018-HĐBDSC trách nhiệm thanh toán số tiền sửa chữa xe Daewoo 43C -071.80 không thuộc về bị đơn Công ty TNHHH TH mà nghĩa vụ thanh toán này là của Công ty Bảo hiểm H. Khi ký vào Hợp đồng sửa chữa và Biên bản nghiệm thu & ủy quyền, nguyên đơn đã xác định trách nhiệm trả tiền sửa chữa xe là của Công ty Bảo hiểm H. Rõ ràng là do có bảo lãnh thanh toán sửa chữa của Công ty Bảo hiểm H thì Công ty ĐT mới đồng ý sửa chữa xe nên khi Công ty cổ phần ĐT không nhận được tiền sửa

chữa xe thì phải căn cứ vào bảo lãnh thanh toán của Công ty Bảo hiểm H để yêu cầu đơn vị này thanh toán chứ không phải khởi kiện Công ty TNHH TH. Trên thực tế, sau khi xe được sửa chữa xong thì Công ty ĐT đồng ý cho Công ty TNHH TH nghiệm thu và nhận xe về là đúng theo thỏa thuận trong Hợp đồng sửa chữa. Sau đó, Công ty ĐT tiến hành xuất hóa đơn cho Công ty Bảo hiểm H để yêu cầu thanh toán, nghĩa là Công ty ĐT đã căn cứ theo Hợp đồng sửa chữa, Bảo lãnh thanh toán để xác định được bên phải thanh toán là Công ty Bảo hiểm H nên mới xuất hóa đơn cho bên bảo hiểm. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 519 BLDS về trả tiền dịch vụ: *“Bên sử dụng dịch vụ phải trả tiền dịch vụ theo thỏa thuận”* nên khi các bên đã thỏa thuận việc trả tiền do Công ty Bảo hiểm H thực hiện thì Công ty ĐT phải yêu cầu Công ty Bảo hiểm H trả tiền. Công ty ĐT không thể khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH TH thực hiện nghĩa vụ không được quy định trong Hợp đồng. Đối với các thiết bị còn thiếu theo Hợp đồng, Công ty TNHH TH đã nhận bàn giao đầy đủ từ Công ty ĐT nên bị đơn tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu phản tố.

- Về hành vi cản trở phí bảo hiểm vào tiền bồi thường của Công ty Bảo hiểm H, người địa diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Trần Thị Thùy Ng cho rằng: Công ty Bảo hiểm H đã tự ý cản trở tiền phí bảo hiểm kỳ 4 vào tiền bồi thường dù cho không có sự đồng ý của Công ty TNHH TH. Tại thời điểm kỳ 4, Công ty TNHH TH đã bán nhiều xe trong diện đã mua bảo hiểm nên không tiếp tục đóng phí bảo hiểm kỳ 4 và đã thể hiện bằng việc từ chối ký Thư bãi nại. Tuy nhiên, Công ty Bảo hiểm H vẫn tự ý lấy tiền bồi thường đối với một chiếc xe bị tai nạn tại kỳ 3 để đối trừ tiền phí bảo hiểm của hàng chục chiếc xe tại kỳ 4 là hành vi sai trái. Việc đối trừ cũng không nằm trong phạm vi quyền của Công ty Bảo hiểm H trong hợp đồng bảo hiểm, đồng thời đi ngược lại ý chí của Công ty Trung Hiếu, ép buộc Công ty TNHH TH tiếp tục đóng tiền bảo hiểm không tự nguyện. Hành vi ép buộc khách hàng phải đóng tiền phí bảo hiểm là trái với nguyên tắc tự do, tự nguyện thỏa thuận theo Điều 11 Luật Thương mại, trái với nguyên tắc cơ bản và quan trọng nhất trong việc xác lập giao dịch dân sự tại khoản 2 Điều 3 Bộ luật Dân sự đồng thời đã vi phạm pháp luật về kinh doanh bảo hiểm theo khoản 2 Điều 124 Luật kinh doanh Bảo hiểm. Công ty Bảo hiểm H cho rằng đã thông báo việc đối trừ nên có quyền đối trừ là không đúng. Theo quy định tại Điều 393 BLDS 2015 thì *“Chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng là sự trả lời của bên được đề nghị về việc chấp nhận toàn bộ nội dung của đề nghị. Sự im lặng của bên được đề nghị không được coi là chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận hoặc theo thói quen đã được xác lập giữa các bên.”* Trong trường hợp này, Hợp đồng bảo hiểm giữa Công ty TNHH TH và Công ty Bảo hiểm H không quy định việc im lặng của bên được đề nghị được coi là chấp nhận. Nên cho dù Công ty TNHH TH không phản hồi lại thì Công ty Bảo hiểm H được quyền tự ý cản trở khi

chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TNHH TH. Công ty Bảo hiểm H đã hợp thức hóa hành vi đơn phương trái pháp luật này bằng việc xuất hóa đơn GTGT số 0013913 và Công ty TNHH TH không nhận được hóa đơn GTGT này. Việc này thể hiện rõ khi hóa đơn này không có chữ ký của Khách hàng. Trong khi đó, theo Điều 4 Thông tư 39/2014/TT-BTC có quy định rõ hóa đơn VAT phải có đầy đủ chữ ký. Việc xuất Hóa đơn này đã vi phạm pháp luật phải bị xử lý theo Thông tư 41/2018/NĐ-CP. Vậy, hóa đơn này hoàn toàn là do Công ty Bảo hiểm H tự xuất và tự lưu giữ, không có giá trị với Công ty TNHH TH. Do đó, bị đơn đề nghị HĐXX xét xử xem xét, đánh giá chính xác bản chất của tranh chấp hợp đồng trong vụ án và xác định việc Công ty ĐT khởi kiện Công ty TNHH TH thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng sửa chữa oto số 01-10/2018-HĐBDSC là không có căn cứ.

- *Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH TH là ông Nguyễn Văn Th cho rằng:* Tôi thống nhất với lời trình bày của bà Ng tại phiên tòa. Về bản chất Hợp đồng sửa chữa ô tô số 01-10/2018-HĐBDSC là quan hệ dân sự của ba pháp nhân nên không thể tách rời từng quan hệ để giải quyết mà cần phải xem xét tổng thể mới đảm bảo tính toàn diện. Việc vắng mặt của Công ty Bảo hiểm H nên không thể làm rõ được bản chất của Hợp đồng. Việc Công ty Bảo hiểm H khấu trừ tiền bảo hiểm là hành vi sai trái, vi phạm pháp luật. Đề nghị HĐXX xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng đã Quyết định:

Căn cứ vào: Các Điều 274, 275, 280, 351, 357, 468 BLDS; khoản 3, Điều 4, Điều 306 Luật Thương mại, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đ đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH TH chậm thanh toán thì phải chịu lãi suất quá hạn theo mức lãi suất quá hạn do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam công bố tại thời điểm quá hạn.

2. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH TH.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đ.

Buộc Công ty TNHH TH có nghĩa vụ thanh toán một lần số tiền 175.643.098 đồng (*Một trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm bốn mươi ba nghìn, không trăm chín mươi tám đồng*). Trong đó, số tiền mà Công ty TNHH TH có nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng là 136.539.659 đồng (*Một trăm ba mươi sáu triệu, năm trăm ba*

mười chín nghìn, sáu trăm năm mươi chín đồng) và số tiền lãi phát sinh là 39.103.439 đồng (*Ba mươi chín triệu, một trăm lẻ ba nghìn, bốn trăm ba mươi chín đồng*).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án, thông báo về quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm trong hạn luật định, ngày 01 tháng 7 năm 2022, bị đơn Công ty TNHH TH kháng cáo toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng, vì Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá đúng bản chất của vụ án và gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của bị đơn. Nguyên đơn đã sử dụng một hợp đồng đã tẩy xóa, sửa chữa bất hợp pháp, không có giá trị pháp lý để khởi kiện nhưng vẫn được HĐXX sơ thẩm chấp nhận. Mối quan hệ giữa chủ xe, đơn vị bảo hiểm bồi thường cho xe bị tai nạn và đơn vị sửa chữa xe là quan hệ giữa ba chủ thể pháp nhân có đăng ký kinh doanh, nhưng HĐXX đã tách ra và chỉ xem xét duy nhất một quan hệ giữa nguyên đơn và bị đơn. Không đánh giá các chứng cứ trái pháp luật do Công ty Bảo hiểm H cung cấp. Loại trừ nghĩa vụ, trách nhiệm của Công ty Bảo hiểm H. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy bản án sơ thẩm, để đảm bảo vụ án được xét xử lại đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Công ty TH, sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 03/2022/KDTM -ST ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H về tiền lãi suất như đề nghị Công ty ĐT tại phiên tòa. Án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty Bảo hiểm H có đơn vắng mặt, nên HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Xét toàn bộ nội dung kháng cáo bị đơn Công ty TNHH TH, HĐXX thấy trước hết làm rõ nội dung, chủ thể đã ký kết Hợp đồng sửa chữa ô tô số: 01-10/2018-HĐBDSC ngày 05/8/2019 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) gồm có:

Bên A: Công ty TNHH TH (gọi tắt là Công ty TH - Là đại diện chủ sở hữu phương tiện xe DAEWOO 43C-071.80.

Bên B: Công ty Bảo hiểm H (gọi tắt Công ty B) *không ký hợp đồng*.

Bên C: Công ty Cổ phần Đ (gọi tắt là Công ty ĐT) - Là bên nhận sửa chữa phương tiện xe DAEWOO 43C-071.80.

Hợp đồng có nội dung chính như sau :

Bên C đồng ý tiếp xe DAEWOO BKS 43C1-071.80 của bên A ngày 23/10/2018 để sửa chữa và thay thế phụ tùng như bảng dự toán Bảo hiểm đã duyệt với tổng số tiền là 136.539.659 đồng, đã bao gồm thuế giá trị gia tăng VAT.

Ngày 06/8/2019, Công ty ĐT và Công ty TH ký Biên bản thanh lý hợp đồng với nội dung: Công ty ĐT đã hoàn tất nghĩa vụ sửa chữa và thay thế phụ tùng theo Hợp đồng, Công ty TH xác nhận nghiệm thu xe đảm bảo chất lượng và mỹ thuật.

Cùng ngày 06/8/2019, Công ty ĐT và Công ty TH ký Biên bản nghiệm thu và ủy quyền có nội dung: Công ty TH ủy quyền cho Công ty ĐT nhận số tiền sửa chữa xe thuộc trách nhiệm bồi thường của Công ty Bảo hiểm H 136.539.659 đồng.

Công ty BH đã thông báo cho Công ty TH: Tổng Công ty - chấp nhận yêu cầu bồi thường của Quý khách hàng, với số tiền bồi thường 136.539.659 đồng.

Ngày 05/10/2019: Công ty B có Thông báo bồi thường và đối trừ phí Bảo hiểm, với nội dung số tiền bồi thường xe BKS 43C1-071.80 là 136.539.659 đồng là số tiền mà VNI phải giải quyết khiếu nại cho bên khách hàng là Công ty TH, được căn trừ nợ phí Bảo hiểm 120.000.000 đồng, còn lại 16.516.409 đồng sẽ thực hiện chuyển trả cho Công ty TH.

Mặc dù Hợp đồng sửa chữa ô tô số: 01-10/2018-HĐBDSC ngày 05/8/2019, Công ty B không ký, nhưng căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã viện dẫn trên, thì Công ty B có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 136.539.659 đồng sửa chữa xe cho Công ty TH. Việc Công ty B tự căn trừ nợ phí Bảo hiểm, là quan hệ giữa Công ty B và Công ty TH.

Việc thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ thanh toán của Công ty TH cho Công ty ĐT chưa được bên Công ty B đồng ý, từ đó dẫn đến việc Công ty B đã tự căn trừ nợ phí bảo hiểm của Công ty TH, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty ĐT.

Vì vậy, theo Hợp đồng, Công ty TH phải có nghĩa vụ thanh toán chi phí sửa chữa và thay thế phụ tùng cho Công ty ĐT với số tiền 136.539.659 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 513, 515 BLDS. HĐXX không chấp nhận kháng cáo của Công ty TH về nội dung này.

[3] Về tính lãi suất: Tại hợp đồng, các bên thỏa thuận thời hạn thanh toán là 05 ngày kể từ ngày nghiệm thu và bàn giao phương tiện ô tô. Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty ĐT yêu cầu tính tiền lãi kể từ ngày 12/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/6/2022 (02 năm 10 tháng 11 ngày) với mức lãi suất là 10%/năm. Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty ĐT có thay đổi về thời gian tính lãi suất kể từ ngày 11/3/2021 đến ngày 05/4/2022 (01 năm 24 ngày), lãi suất là 10%/năm với số tiền

là 14.766.208 đồng. Xét thấy, về thời gian và mức lãi suất là phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, nên chấp nhận. Vì vậy, cấp phúc thẩm sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 03/2022/KDTM - ST ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm sửa một phần Bản án sơ thẩm, nên theo qui định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, người kháng cáo là Công ty TNHH TH không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 306 Luật thương mại; các Điều 357, 468, 513 và 515 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Công ty TNHH TH.

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 03/2022/KDTM-ST ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng về tiền lãi suất.

Xử:

1. Buộc Công ty TNHH TH có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần Đ số tiền **151.305.867 đồng**. Trong đó, thanh toán theo hợp đồng là 136.539.659 đồng và tiền lãi phát sinh là 14.766.208 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí kinh doanh thương sơ thẩm:

Công ty TNHH TH phải chịu là: 7.565.293 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004145 ngày 27/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Công ty TNHH TH còn phải tiếp tục chịu án phí kinh doanh thương sơ thẩm còn lại là: 7.265.293 đồng.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí 4.010.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008236 ngày 10/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty TNHH TH không phải chịu. Hoàn lại 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm cho Công ty TNHH TH đã nộp theo biên lai thu số 0004447 ngày 06/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, thành phố Đà Nẵng.

Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Chi cục THADS huyện H;
- TAND huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thúy Năng